

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

*Giữa anh B với chị L”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG

**\* Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Quốc Sửu

**\*Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** anh Hoắc Công B, sinh năm 1993. (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đồng Khánh, xã N, huyện TY, tỉnh BG

**2- Bị đơn:** Đỗ Thị L, sinh năm 1985 (mất tích)

Nơi cư trú cuối cùng: Đồng Khánh, xã N, huyện TY, tỉnh BG

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Hoắc Công B trình bày:

Anh kết hôn với chị Đỗ Thị L ngày 30 tháng 01 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện TY, tỉnh BG trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã N, huyện TY, tỉnh BG. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nên chị L đã tự ý bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 1 năm 2016 cho đến nay, khi đi chị L không thông báo cho chính quyền địa phương, không cho ai biết tin tức, địa chỉ. Kể từ thời điểm đó chị L không quay về địa phương, cũng không liên lạc gì với anh và người thân. Hiện nay anh không biết chị L đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Tháng 12 năm 2019, anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TY tuyên bố chị L mất tích và đã được Tòa án thụ lý, giải

quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐST-DS ngày 24/12/2019, tuyên bố chị L mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị Đỗ Thị L.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là Hoắc Thu Hương, sinh ngày 22/5/2015. Hiện anh đang nuôi dưỡng con chung, ly hôn anh nhận nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh B có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Tân Yên đã tiến hành thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đỗ Thị L để chị L thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại Toà án nhưng do chị L mất tích, cho đến nay vẫn không có thông tin gì từ phía chị L.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Đương sự có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B xử cho anh B được ly hôn chị L; Về con chung giao cho anh B nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, về tài sản chung, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: anh B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Đỗ Thị L hiện mất tích, không có tin tức gì, có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Đồng Khánh, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên và đã được Tòa án nhân dân huyện TY tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐST-DS ngày 24/12/2019. Nay anh B có đơn yêu cầu ly hôn chị L và được Tòa án nhân dân huyện TY thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân và tình cảm vợ chồng: Anh Hoắc Công B và chị Đỗ Thị L kết hôn ngày 30/01/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện TY trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu trước khi kết hôn là hôn nhân hợp pháp,

phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nên chị L đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay không trở về địa phương, anh B và gia đình không có tin tức gì của chị L, không biết chị L đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Anh B đã làm đơn yêu cầu tuyên bố chị L mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện TY thụ lý và quyết định tuyên bố chị Đỗ Thị L mất tích bằng quyết định giải quyết việc dân sự số 09/QĐST-DS ngày 24/12/2019. Tại phiên tòa anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị L. HĐXX thấy mục đích hôn nhân giữa anh B với chị L không đạt được nên cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh B được ly hôn chị L.

[3] Về con chung: Anh B, chị L có một con chung là Hoắc Thu Ph, sinh ngày 22/5/2015, kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, anh B là người trực tiếp nuôi con, hiện con chung của anh B chị L vẫn phát triển, học tập tốt. Mặt khác, chị L đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên cần giao cho anh Bầy nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh B không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh Hoắc Công B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: cho anh Hoắc Công B được ly hôn với chị Đỗ Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoắc Công B nuôi con Hoắc Thu Ph, sinh ngày 22/5/2015. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

2. Án phí: Anh Hoắc Công B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

AA/2018/0006193 ngày 10 tháng 22 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY. Anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai bản án

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát TY;
- Chi cục T.H.A TY;
- Đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Tư Duy**

: